

Số 729/BC-UBND

Châu Thành, ngày 29 tháng 11 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023 đối với xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh**

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã Nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã Nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương và Sở, ban, ngành tỉnh về triển khai thực hiện Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã Nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/HU ngày 30/9/2019 của Huyện ủy Châu Thành về xây dựng huyện Châu Thành đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2021 và giữ vững huyện nông thôn mới đến năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 71-KH/HU ngày 20/5/2022 của Huyện ủy Châu Thành về việc thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025;

Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh tại Tờ trình số 257/TTr-UBND ngày 13/11/2023 của UBND xã Mỹ Chánh về việc đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Mỹ Chánh, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2023 đối với xã Mỹ Chánh, cụ thể như sau:

#### **I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra: Từ ngày 22/11/2023 đến ngày 22/11/2023

## **1. Về hồ sơ:**

Tờ trình đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã Mỹ Chánh đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023 (bản chính).

Biên bản cuộc họp của UBND xã Mỹ Chánh đề nghị xét, công nhận xã Mỹ Chánh đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023 (bản chính).

Báo cáo của UBND xã Mỹ Chánh về kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao năm 2023 của xã Mỹ Chánh (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao).

Báo cáo của UBND xã Mỹ Chánh tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc xã, các tổ chức chính trị - xã hội xã và nhân dân trong xã đối với kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới nâng cao (bản chính).

Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã (bản chính).

Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao của xã Mỹ Chánh.

## **2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao**

Đảng ủy xã ban hành Nghị quyết lãnh đạo xây dựng xã Mỹ Chánh đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao vào năm 2023, Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo, kế hoạch để lãnh đạo; 15 Kế hoạch chuyên đề, Quyết định về kiện toàn Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa xã, kiện toàn Ban quản lý xã, Ban phát triển các ấp; 02 Thông báo phân công các thành viên Ban chỉ đạo phụ trách thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao; áp nông thôn mới kiểu mẫu và một số văn bản khác đảm bảo cho công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã.

Kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa xã giai đoạn 2021 - 2025, gồm 26 thành viên, do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã làm trưởng ban; Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã và Ban phát triển của 8 ấp gồm 80 thành viên. Qua kiện toàn Ban chỉ đạo, Ban quản lý xã và Ban phát triển các ấp từng bước nâng cao được chất lượng hoạt động trong việc tham mưu, đề xuất Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo, điều hành thực hiện các tiêu chí theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ phụ trách.

Trong lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổ chức hội nghị sơ kết rút kinh nghiệm... nhằm đánh giá sát thực kết quả chỉ đạo thực hiện, cũng như phát hiện những hạn chế, vướng mắc để giải quyết kịp thời, cụ thể như: tổ chức đánh giá thực trạng, nhu cầu và giải pháp xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2023; tổ chức khảo sát thực trạng, nhu cầu của hộ, ấp để xây dựng phương án vận động xây dựng đạt chuẩn; tổ chức khảo sát, đánh giá, nắm nhu cầu các đối tượng đăng ký xây dựng đạt chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới, thoát

nghèo, cận nghèo và xóa nhà tạm; vận động tham gia bảo hiểm y tế.... tổ chức làm việc với các trường học trên địa bàn xã nắm kết quả việc nâng chất và xây dựng trường chuẩn quốc gia mức độ nâng cao để có kế hoạch hỗ trợ; tổ chức đánh giá kết quả xây dựng ấp nông thôn mới kiểu mẫu, sơ kết các kế hoạch chuyên đề, tháng, quý....

**3. Xã Mỹ Chánh đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020**  
(Theo Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh).

**4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

**4.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch**

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Có quy hoạch chung xây dựng xã đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch và được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt; tổ chức công bố quy hoạch và có lưu trữ đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định; đồng thời, tổ chức công khai niêm yết điều chỉnh quy hoạch đã được phê duyệt tại các ấp, nơi công cộng.

Có quy chế quản lý và tổ chức triển khai thực hiện quản lý theo Đồ án quy hoạch được phê duyệt.

Xã thực hiện hoàn thành quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã và được UBND huyện phê duyệt.

*\*Kinh phí thực hiện: 460 triệu đồng*

c) *Đánh giá: Đạt.*

**4.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông**

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định, đạt 100%.

Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp được cứng hóa đạt 100%, trong đó có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt từ 80% trở lên.

Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt từ 90% trở lên.

Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa đạt từ 70% trở lên.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Đường xã gồm: 2 tuyến Quốc lộ 54 và tỉnh lộ 912, tổng chiều dài 14,3 km được nhựa hóa 14,3km, đạt 100%; có hệ thống chiếu sáng công cộng 14,3/14,3km (Quốc lộ 54 và tỉnh lộ 912), đạt 100%; đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết như: biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh....

Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp: có 06 tuyến đường ấp và liên ấp, tổng chiều dài 11,6 km, trong đó đường nhựa 06 tuyến chiều dài 11,6 km, đảm bảo mặt đường từ 3m trở lên, đạt 100%. Đảm bảo có đủ biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc, cây xanh.

Đường ngõ, xóm, gồm: Có 36 tuyến đường ngõ, xóm, tổng chiều dài 12,8 km, đảm bảo được cứng hóa (trong đó có 32 tuyến đường đal và đổ đá dăm chiều dài 11,6 km và 04 tuyến đường đất chiều dài 1,2 km, đạt 90,63%.

Đường trục chính nội đồng, gồm: Có 23 tuyến đường trục chính nội đồng, tổng chiều dài 50,4 km, đảm bảo được cứng hóa 17 tuyến, chiều dài 36,7 km (trong đó đường nhựa 08 tuyến chiều dài 20,8 km, mặt đường 3,5 m và 09 tuyến đường đal chiều dài 15,9 km, mặt đường 2,5m), đạt 72,82%. Đảm bảo có đủ biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc, cây xanh.

*\*Kinh phí thực hiện: 21.900 triệu đồng*

*c) Đánh giá: Đạt*

### **4.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai**

*a) Yêu cầu của tiêu chí:*

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 90% trở lên.

Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững.

Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt từ  $\geq 50\%$  trở lên diện tích cây trồng chủ lực của xã được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.

Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ đạt từ loại khá trở lên.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Nằm trong hệ thống thủy lợi Tầm phương khép kín với tổng chiều dài trên 138,38 km kênh cấp I, II, III phục vụ trên 2.380 ha đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt trên 95%.

Có 01 tổ khuyến nông cộng đồng có 08 thành viên, có ban hành quy chế hoạt động cụ thể và 01 tổ Ban quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi có 17 thành viên có ban hành quy chế hoạt động cụ thể.

Cây trồng chủ lực của xã gồm: lúa và màu; tỷ lệ diện tích được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt trên 96,63%.

Hàng năm tổ chức nạo vét 100% các kênh nội đồng bị xuống cấp đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất.

Tổ quản lý, duy tu công trình công cộng và xử lý ô nhiễm môi trường của xã thường xuyên kiểm kê, kiểm soát các trường hợp sản xuất, kinh doanh xả thải môi trường và công trình thủy lợi xử lý đúng quy định của pháp luật.

Kịp thời kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống thiên tai; trang bị cơ sở vật chất đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

*\*Kinh phí thực hiện: 3.650 triệu đồng.*

c) **Đánh giá: Đạt.**

#### **4.4. Tiêu chí 4 về Điện**

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định đạt từ 99% trở lên.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Toàn xã có 25 km đường dây trung áp; 48,5 km đường dây hạ áp; 56 trạm biến áp; tổng dung lượng 3.328 KVA cung cấp điện đảm bảo cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định/tổng số hộ có điện 3.190/3.202 (còn 12 hộ chưa có sử dụng điện, lý do hộ ở ngoài đồng ruộng, xa khu dân cư) đạt 99,62%.

*\*Kinh phí thực hiện: 4.500 triệu đồng.*

c) **Đánh giá: Đạt.**

#### **4.5. Tiêu chí 5 về Giáo dục**

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đạt 100%.

Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS đạt mức độ 3.

Đạt chuẩn xóa mù chữ đạt mức độ 2.

Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại đạt khá trở lên.

Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Xã có 03 trường (mẫu giáo Tuổi Thơ, Tiểu học Mỹ Chánh A, Cấp 1-2 Đoàn Công Chánh), kết quả được công nhận: trường cấp 1-2 Đoàn Công Chánh có cơ sở vật chất đạt mức độ 1, Trường tiểu học Mỹ Chánh A và trường Mẫu giáo Tuổi Thơ có cơ sở vật chất đạt mức độ 2.

Duy trì công tác phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi luôn được ngành giáo dục và địa phương quan tâm thực hiện, xã Mỹ Chánh đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi năm 2023.

Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện công nhận đạt phổ cập giáo dục bậc Tiểu học và Trung học cơ sở mức độ 3 năm 2023.

Xã Mỹ Chánh đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

Cộng đồng học tập xã Mỹ Chánh đã được đánh giá, xếp loại khá.

Hiện xã Mỹ Chánh có 03 mô hình giáo dục thể chất cho học sinh để rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền tại 03 trường (trường Mẫu giáo Tuổi thơ mô hình *Phát triển vận động trẻ mầm non*, trường Tiểu học Mỹ Chánh A mô hình *Bóng đá Mini*, trường cấp 1, 2 Đoàn Công Chánh mô hình *Bóng đá Mini*).

*\*Kinh phí thực hiện: 31.807 triệu đồng.*

*c) Đánh giá: Đạt.*

#### **4.6. Tiêu chí 6 về Văn hóa**

*a) Yêu cầu của tiêu chí:*

Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới đạt từ 90% trở lên.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Xã có nhà văn hóa xã lồng ghép với hội trường phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của xã với diện tích 500 m<sup>2</sup> đáp ứng 250 chỗ ngồi (xã đã quy hoạch xây dựng

Nhà văn hóa xã riêng biệt bên ngoài khu hành chính của xã, địa điểm tại ấp Giồng Trôm, diện tích đất quy hoạch 1.000 m<sup>2</sup>) gồm có 03 phòng chức năng (Phòng Đọc sách - Thư viện và Phòng Hành chính - Truyền thanh thông tin, phòng sinh hoạt các câu lạc bộ) các phòng chức năng được bố trí riêng, có bảng tên và niêm yết lịch làm việc, nội quy hoạt động... Xây dựng 01 tủ sách pháp luật với 2.000 đầu sách các loại; sử dụng sân bóng đá Hưng phong (của tư nhân) và liên kết sân bóng đá huyện châu thành để phục vụ tổ chức tranh giải và giao lưu thể thao cho nhân dân. Đồng thời quy hoạch xây dựng sân bóng đá xã diện tích 1,2 ha, địa điểm ấp Đầu Giồng A Ngoài ra 8/8 ấp đều sân bóng chuyên.

Tiếp tục bảo tồn và phát huy Di sản văn hóa phi vật thể (đờn ca tài tử nam bộ, Lễ hội Ok Om Bok của người Khmer, ...).

Tiếp tục duy trì, nâng chất lượng các tiêu chí ấp Văn hóa tại 8/8 ấp. Được Ủy ban nhân dân huyện công nhận 8/8 ấp ấp Văn hóa, nông thôn mới và ấp nông thôn mới kiểu mẫu Giồng Trôm.

*\*Kinh phí thực hiện: 350 triệu đồng*

c) *Đánh giá: Đạt.*

#### **4.7. Tiêu chí 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Xã có Chợ Mỹ Chánh đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm, thường xuyên được nâng cấp, sửa chữa đảm bảo công trình phụ trợ như: nhà vệ sinh, hệ thống thoát nước, hệ thống chiếu sáng, trang thiết bị về phòng cháy chữa cháy, nơi đậu và giữ xe, nội quy chợ, bố trí cân đối chứng, nước sinh hoạt, tổ chức tốt việc thu gom rác thải,... các khu vực kinh doanh được sắp xếp, bố trí đảm bảo trật tự, vệ sinh, văn minh. Tăng cường công tác quản lý hoạt động chợ trên địa bàn, không để phát sinh tụ điểm kinh doanh tự phát. Đề án môi trường được huyện phê duyệt.

*\*Kinh phí thực hiện: 220 triệu đồng*

c) *Đánh giá: Đạt.*

#### **4.8. Tiêu chí 8 về Thông tin và truyền thông**

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt 50% trở lên.

Có dịch vụ báo chí truyền thông đạt 80% trở lên.

Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Điểm phục vụ bưu chính được nâng chất lượng, chỉnh trang nơi làm việc, cung cấp thêm dịch vụ chất lượng, hiệu quả đảm bảo phục vụ 100% nhu cầu của nhân dân về bưu chính, có phục vụ internet và một số dịch vụ khác do điểm bưu điện văn hóa xã cung cấp.

Xã được các nhà mạng: Viettel, VNPT và Mobifone xác nhận tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh có 7.244/8.278 người, đạt 87,51%.

Xã có dịch vụ báo chí truyền thông.

Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, các ngành đều được bố trí các thiết bị, máy móc thiết yếu như: máy vi tính, máy in và có sử dụng các hệ thống trong điều hành, xử lý công việc như: ioffice, quản lý lương, phần mềm một cửa điện tử và phần mềm quản lý hội viên đoàn thể, App số tay Đảng viên điện tử (theo đề án 03/TU), phần mềm cơ sở dữ liệu quản lý dân cư để quản lý văn bản đi đến và điều hành công việc.

Xã có mạng wifi miễn phí tại Ủy ban nhân dân, công an xã, khu vui chơi, nhà văn hóa xã, nhà văn hóa 8/8 ấp và chợ xã có wifi.

*\*Kinh phí thực hiện: 2.350 triệu đồng*

*c) Đánh giá: Đạt.*

#### **4.9. Tiêu chí 9 về Nhà ở dân cư**

*a) Yêu cầu của tiêu chí:*

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt 90% trở lên.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Toàn xã có 3.202 căn nhà. Trong đó: số nhà ở đạt chuẩn của Bộ Xây dựng 3.145/3.202 căn, đạt 98,22%.

*\*Kinh phí thực hiện: 20.450 triệu đồng.*

*c) Đánh giá: Đạt*

#### **4.10. Tiêu chí 10 về Thu nhập**

*a) Yêu cầu của tiêu chí:*

Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 đạt từ 68 triệu đồng/người/năm trở lên.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Thu nhập bình quân đầu người của xã năm 2023 đạt 69,66 triệu đồng/người/năm.



c) **Đánh giá: Đạt**

#### **4.11. Tiêu chí 11 về Nghèo đa chiều**

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 đạt từ 2,5% trở xuống.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Qua rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2023, đã giảm 30 hộ nghèo, 151 hộ cận nghèo. Hiện nay xã còn 115 hộ (42 hộ nghèo và 73 hộ cận nghèo), trong đó có 63 hộ thuộc đối tượng bảo trợ xã hội và hết khả năng lao động. Tỷ lệ nghèo đa chiều theo tiêu chí Nông thôn mới trừ hộ bảo trợ xã hội và không khả năng lao động còn lại 52 hộ, chiếm 1,62%.

*\*Kinh phí thực hiện: 20.200 triệu đồng.*

c) **Đánh giá: Đạt**

#### **4.12. Tiêu chí 12 về Lao động**

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt từ 75% trở lên.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt từ 30% trở lên.

Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn đạt từ 35% trở lên.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Xã có 6.440/8.576 lao động qua đào tạo, chiếm 75,09%.

Xã có 3.323/8.576 lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ, chiếm 38,75%.

Xã có 3.637/8.576 lao động làm việc trong các ngành nghề chủ lực của xã như nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chiếm 42,41%.

*\*Kinh phí thực hiện: 1.210 triệu đồng.*

c) **Đánh giá: Đạt.**

#### **4.13. Tiêu chí 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn**

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định ( $\geq 1$ ).

Xã có ít nhất 01 sản phẩm được công nhận đạt chuẩn OCOP từ 3 sao trở lên và còn thời hạn ( $\geq 1$ ).

Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm ( $\geq 1$ ).

Có ít nhất 01 sản phẩm chủ lực có ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc ( $\geq 1$ ).

Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử ( $\geq 10$ ).

Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng (Đạt).

Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường) ( $\geq 1$ ).

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Phát huy hiệu quả của kinh tế tập thể và tiềm năng, thế mạnh của xã về nông nghiệp; Phát huy hiệu quả hoạt động của Hợp tác xã Nông nghiệp Phú Mỹ Châu. Hiện tại, Hợp tác xã đã ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với 200 hộ dân, diện tích 150 ha và có mô hình liên kết sản xuất lúa hữu cơ ST25.

Sản phẩm OCOP của xã “Hạt ngọc quê hương” được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt mức 4 sao và còn trong thời hạn, hiện nay Ủy ban nhân dân xã đề nghị Ủy ban nhân dân huyện xem xét công nhận sản phẩm bánh in ấp Phú Nhiêu đạt sản phẩm OCOP hạn 3 sao.

Xây dựng lúa gạo hữu cơ của hợp tác xã nông nghiệp Phú Mỹ Châu ứng dụng công nghệ cao đạt chuẩn VietGAP.

Xây dựng việc ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm chủ lực của xã là sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hữu cơ của hợp tác xã nông nghiệp Phú Mỹ Châu.

Có sản phẩm chủ lực của xã lúa gạo “Hạt ngọc quê hương” của hợp tác xã nông nghiệp Phú Mỹ Châu có tiêu thụ qua kênh thương mại điện tử đạt 25% sản phẩm.

Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực lúa gạo hữu cơ ST25 của hợp tác xã nông nghiệp Phú Mỹ Châu được cấp mã vùng truy xuất nguồn gốc.

Xã không có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội (*lý do: không có điểm du lịch*).

Có triển khai quảng bá hình ảnh mô hình lúa gạo hữu cơ vừa cho hiệu quả kinh tế cao; vừa nơi tham quan học hỏi kinh nghiệm cho các địa phương khác; vừa bảo vệ môi trường thông qua sản xuất theo chuẩn VietGAP.

*\*Kinh phí thực hiện: 2.400 triệu đồng.*

c) *Đánh giá: Đạt*

#### **4.14. Tiêu chí 14 về Y Tế**

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ( $\geq 95\%$ ).

Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ( $\geq 90\%$ ).

Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ( $\geq 40\%$ ).

Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử ( $\geq 70\%$ ).

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế có 10.569/11.117 người, đạt 95,07%.

Tỷ lệ người dân được quản lý sức khỏe có 10.207/11.117, đạt 91,8%.

Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa có 2.956/7.320 người, đạt 40,03%.

Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử có 5.126/7.320, đạt 70,03%.

*\*Kinh phí thực hiện: 11.300 triệu đồng.*

c) *Đánh giá: Đạt.*

#### **4.15. Tiêu chí 15 về Hành chính công**

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên (Đạt).

Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp (Đạt).

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Có bố trí máy scan và 01 máy vi tính tại bộ phận một cửa để thực hiện dịch vụ trực tuyến về chứng thực bản sao điện tử từ bản chính và thực hiện 02 nhóm TTHC liên thông đăng ký khai sinh và khai tử.

- Có 100% công chức làm việc tại bộ phận một cửa cấp xã được bố trí máy tính để bàn có kết nối với mạng Internet, hệ thống Wifi và được cài đặt các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính bao gồm các thủ tục: Đất đai, Hộ tịch, công chứng, chứng thực, Văn hóa xã hội, Gates, iOffice, Idesk, Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia tiêu chuẩn Việt Nam ISO 9001:2015.

- Có 100% công chức làm việc tại bộ phận một cửa cấp xã được cấp chữ ký số cá nhân: 03/03 công chức, đạt 100%. Nhìn chung cán bộ, công chức đều thực hiện việc cập nhật phần mềm, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành iOffice và sử dụng được các thao tác nhận, gửi văn bản, ký và phát hành văn bản điện tử có ký số.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính định kỳ trên Hệ thống báo cáo của Văn phòng Chính phủ: thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định.

- Có 89,34 % dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

- Tỷ lệ thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần (mức độ 3) và dịch vụ công trực tuyến toàn trình (mức độ 4) có phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt từ 98,13% trở lên trên tổng số thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến có phát sinh hồ sơ: Năm 2023 đã tiếp nhận và hoàn trả 751/751 hồ sơ TTHC, đạt 100% (trong đó tiếp nhận trực tiếp 204 hồ sơ, trực tuyến được 547 hồ sơ, trong này mức độ 2: 14 hồ sơ; mức độ 3: 671 hồ sơ, mức độ 4: 66 hồ sơ (01/01/2023 đến ngày 31/10/2023).

- Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính: 751/751 hồ sơ, đạt 100%.

- Có 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ: 751/751 hồ sơ, đạt 100%.

- Đã thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại nghị định số 107/2021/NĐCP của Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định 3 số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 03 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030: Năm 2023 số hóa hồ sơ

Tài khoản định danh điện tử (Vneid): 4.675/4.611 trường hợp, đạt 101%, còn lại 184 trường hợp; khám sức khỏe điện 5.126/7.320 trường hợp, đạt 70,03%.

- Trong 03 năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn, trễ hạn xã thực hiện xin lỗi theo đúng quy định; không có kết quả giải quyết TTHC phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những người, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết TTHC, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo. Tổng số tiếp nhận 1.243/1.243 hồ sơ, đạt 100% (một cửa điện tử: 692 hồ sơ; trực tuyến 551 hồ sơ, kết quả giải quyết phần còn lại 33 hồ sơ; một phần 1.144 hồ sơ; toàn trình: 66 hồ sơ).

- Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên: 90 điểm (tự xếp loại tốt trở lên).

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ. Lấy ý kiến mức độ hài lòng của người dân 715/751 người, đạt 95,2%, kết quả mức độ hài lòng đạt từ 95,2% trở lên.

c) *Đánh giá: Đạt.*

#### **4.16. Tiêu chí 16 về Tiếp cận pháp luật**

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận ( $\geq 1\%$ ).

Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành ( $\geq 90\%$ ).

Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu ( $\geq 90\%$ ).

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Năm 2022, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được Chủ tịch UBND huyện công nhận theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 09/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành " công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022".

- Đạt 30 điểm của Tiêu chí 2 “ *Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật*” theo quy định của QĐ số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư 09/2021/TT BTP (Bảng tổng hợp điểm số của các tiêu chí kèm theo QĐ số 299/QĐ-UBND ngày 09/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành “ *công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022*”).

UBND xã tập trung thực hiện các tiêu chí theo Thông tư 09/2021/TT BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ Tiêu chí quốc gia về NTM và Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025. Qua triển khai thực hiện tại địa phương đã củng cố, thành lập được nhiều mô hình phổ biến giáo dục pháp luật và hoà giải cơ sở hoạt động hiệu quả, trong đó có 02 mô hình điển hình được Hội đồng phối hợp PBGDPL của UBND huyện khuyến khích nhân rộng tại Công văn số 02/HĐPH ngày 09/11/2022, cụ thể là mô hình “ *Phát huy vai trò người có uy tín trong tổ hòa giải ấp Phú Mỹ* ” có 05 thành viên được Chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện mô hình và mô hình phổ biến giáo dục pháp luật “*Đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ liên ấp Giồng Trôm – Phú Mỹ - Ô Dài*”, có 27 thành viên, được Giám đốc Công an tỉnh tặng giấy khen cho cá nhân và Chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen cho tập thể đã có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện mô hình.

Hàng năm, UBND xã phân bổ kinh phí chi cho công tác Phổ biến giáo dục pháp luật, hoà giải cơ sở và huy động được nguồn lực là cá nhân đại diện hội Liên hiệp phụ nữ xã tham gia hoạt động hoà giải của mô hình “*Phát huy vai trò người có uy tín trong tổ hòa giải ấp Phú Mỹ*” và tham gia tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật thông qua sinh hoạt định kỳ của mô hình “*Đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ liên ấp Giồng Trôm – Phú Mỹ - Ô Dài*”.

UBND xã quyết định công nhận 8 Tổ hòa giải cơ sở có 52 thành viên. Trong năm 2023, Tổ hoà giải các ấp tiếp nhận hoà giải 14/14 đơn yêu cầu của công dân, kết quả hoà giải thành 13/14 đơn đạt 92,86%, không thành 1/14 đơn chiếm 7,14%. Thanh toán thù lao cho hòa giải viên 14/14 vụ việc, đạt 100%. Sổ theo dõi hoạt động hoà giải được ghi chép đầy đủ, rõ ràng theo hướng dẫn.

Đầu năm UBND xã tổng hợp danh sách các đối tượng trợ giúp pháp lý miễn phí theo Điều 7, Luật trợ giúp pháp lý. Trong biên bản hòa giải vụ việc nào có đối tượng trợ giúp pháp lý miễn phí đều có thông báo hướng dẫn đương sự về quyền được trợ giúp pháp lý. Qua công tác hòa giải và tiếp công dân đã giới thiệu 8/8 đối tượng trợ giúp pháp lý đến Trung tâm Trợ giúp Pháp lý của tỉnh để được tư vấn, hỗ trợ trợ khi đối tượng có yêu cầu. Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh có Công văn 426/TGPL-NV xác nhận tỷ lệ 100%

c) **Đánh giá: Đạt.**

#### **4.17. Tiêu chí 17 về Môi trường**

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường (Đạt)

Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường ( $\geq 100\%$ ).

Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định ( $\geq 95\%$ ).

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả ( $\geq 35\%$ ).

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn ( $\geq 50\%$ ).

Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (100%).

Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường ( $\geq 80\%$ ).

Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường ( $\geq 85\%$ ).

Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch (Đạt).

Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng ( $\geq 10\%$ ).

Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ( $4m^2$ /người).

Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định ( $\geq 70\%$ ).

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Có 01 khu kinh doanh dịch vụ (chợ xã Mỹ Chánh) đã được cấp giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 04/7/2023 do UBND huyện Châu Thành cấp. Đối với Trạm Y tế xã chưa có giấy phép môi trường đơn giản.

Có 51/51 cơ sở sản xuất - kinh doanh thuộc đối tượng lập thủ tục bảo vệ môi trường được UBND huyện cấp xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường, giấy phép môi trường. Trên địa bàn xã không có làng nghề

Hiện tại, xã có 976 hộ tham gia thu gom rác tập trung do Ủy ban nhân dân xã ký kết hợp đồng với HTX môi trường Trà Vinh hàng quý theo hợp đồng số 169/2023/HĐ-HTX, thời gian thu gom rác 2 lần/tuần với tổng lượng rác 1,5 tấn/ngày, và 2.162 hộ tự xử lý rác tại hộ gia đình và xây dựng hố rác theo công văn 522 của Huyện ủy), đạt 98%.

Có 1.616/3.202 hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả như: xây hầm, đào hố tự thấm..., đạt 50,47% số hộ không xả thải ra môi trường kênh rạch...

Có 3202 hộ (trong đó có 2162 hộ có đăng ký phân loại chất thải rắn tại nguồn). Xã vận động xây dựng hố rác di động là 2098/2162 hộ, còn lại 64 hộ chưa xây dựng đạt tỷ lệ 97,03%, xã tiếp tục vận động.

Có 59 công chứa bao bì được thu gom và đưa đi xử lý đúng theo quy định thông qua 08 mô hình câu lạc bộ xử lý chất thải của Hội nông dân, Hội cựu chiến binh xã, ấp.

Định kỳ 6 tháng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tổ chức thu gom theo quy định. Riêng năm 2023 đã có thu gom xử lý khoảng 1200 kg theo Hợp đồng số 4246/HĐ.MTĐT-NH/23.4.VX Về việc thu gom, xử lý chất thải rắn nguy hại, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng năm 2023 trên địa bàn huyện Châu Thành.

Đối với rác thải y tế nguy hại thu gom theo Hợp đồng số 69R/2021/HĐKT đạt tỷ lệ 100%.

- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp: 2275 ha.

Lĩnh vực trồng trọt:

+ Trồng lúa: 1900 ha, chất thải chủ yếu là rơm, rạ; khoảng 22000 tấn được thu gom xử lý sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, ủ làm phân hữu cơ, làm chất đốt 20.500 tấn, đạt tỉ lệ 93,18%

+ Mào: 65 ha, chất thải chủ yếu là thân, dây, lá...; khoảng 3000 tấn được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi hoặc ủ tái sử dụng làm phân bón...thu gom cho chăn nuôi làm phân 2500 tấn, đạt tỉ lệ 83,33 %, số lượng còn lại cài lấp 500 tấn.

+ Cây ăn quả (dừa, bưởi): 310 ha; chất thải chủ yếu là tàu dừa khô, nhánh khô được sử dụng làm chất đốt trong sinh hoạt...

Ước tỷ lệ chất thải hữu cơ trên cây trồng khoảng 25.000 tấn/năm. Tổ chức xử lý, sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, ủ làm phân hữu cơ, làm chất đốt... trên 23.000 tấn, đạt 92%.

Lĩnh vực chăn nuôi:

- Nuôi bò: 1024 hộ, 3072 con, xử lý phơi khô bán, ủ phân

- Nuôi dê: 12 hộ, 60 con, xử lý ủ phân

- Nuôi heo: 91 hộ, 364 con, xử lý Bioga

- Nuôi gia cầm: 557 hộ, 5570 con, xử lý ủ phân

- Nuôi cá: 14 hộ, 4,21 ha mặt nước, xử lý tưới cây trồng

Ước tỷ lệ chất thải hữu cơ trên chăn nuôi khoảng 5000 tấn/năm. Tổ chức xử lý, sử dụng làm phân bón cho trồng trọt... trên 4.800 tấn, đạt 96%.

Toàn xã có 1.189 hộ chăn nuôi, trong đó có 1.175/1.189 hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt 98,82%.



Có 01 điểm nghĩa trang nhân dân (Trong đó, Nghĩa trang nhân dân tại ấp Thanh Nguyên B) và 01 nhà hỏa táng (trong này Nhà hỏa táng chùa Phú Mỹ) đảm bảo việc mai táng đúng phong tục và phù hợp quy định.

Xã có 3.202 hộ dân, với 11.165 nhân khẩu, (có 1.116 hộ khmer 4.464 nhân khẩu). Trong năm 2023 có 68 người chết; trong này có 50 người chết được sử dụng hình thức hỏa táng, chiếm 73,5%.

Toàn xã có 85.920 m<sup>2</sup> đất cây xanh công cộng sử dụng tại điểm dân cư nông thôn trên tổng số 11.165 người, diện tích bình quân chung 7,7 m<sup>2</sup>/người, đảm bảo vệ mỹ quan, góp phần cải thiện môi trường.

- Có xây dựng Kế hoạch số 31-KH/UBND ngày 08/5/2023 của Ủy ban nhân dân xã về việc thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn xã.

- Có xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa; hướng dẫn, tuyên truyền vận động người dân thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa được 22 cuộc có 880 lượt người dự.

- Các cơ quan, người dân không thải bỏ chất thải nhựa trực tiếp vào hệ thống thoát nước, ao, hồ, kênh, rạch, sông.

\* Chất thải nhựa được thu gom, phân loại để tái sử dụng và bán cho các cơ sở thu mua để tái chế. Nguồn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt.

+ Đối với hộ gia đình: 9405 người x 0,034kg = 319,7kg/ngày.

+ Đối với chợ: 80 người x 0,012kg = 0,96kg/ngày

+ Đối với trường học: rác thải phát sinh. Trong đó:

Trường THCS: 853 học sinh x 0,002kg = 1,7 kg/ngày

Trường tiểu học: 405 học sinh x 0,0013kg = 0,52kg/ngày

Trường Mầm non: 422 trẻ x 0,0004kg = 0,16kg/ngày

Tổng số lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn xã 323,04 kg/ngày và được đơn vị thu gom 302 kg/323,04 kg đạt tỷ lệ 93,48%.

\*Kinh phí thực hiện: 1.750 triệu đồng.

c) Đánh giá: Đạt.

#### **4.18. Tiêu chí 18 Về Chất lượng môi trường sống**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung ( $\geq 55\%$ ).

Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ( $\geq 60$  lít).

Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững ( $\geq 40\%$ ).

Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm (100%).

Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã (Không).

Tỷ lệ cơ sở sơ, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm (100%).

Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch ( $\geq 80\%$ ).

Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường (100%).

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: Xã có 2.218/3.202 hộ sử dụng nước sạch, đạt 69,26%.

Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn: Công suất của Trạm cấp nước đạt 800 m<sup>3</sup>/ngày đêm, bình quân đạt 93,15 lít/người/ngày đêm. Hiện tại, Trạm cấp nước tại ấp Đầu Giồng B đã được xây dựng hoàn thành và hoạt động cung cấp nước sạch cho hộ dân sử dụng.

Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: Xã có 2/2 công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững, đạt 100%.

Tỷ lệ chủ thể hộ và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm.

Trên địa bàn xã có 1.279 hộ và cơ sở sản xuất kinh doanh (trong đó Nông nghiệp 1.189 hộ; Y tế 65 hộ và 43 hộ và cơ sở lĩnh vực Công thương) đã được tập huấn về an toàn thực phẩm đạt tỷ lệ 100%.

Trên địa bàn xã không xảy ra ngộ độc thực phẩm hoặc sự cố an toàn thực phẩm.

Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm: Có 01 cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm được cấp giấy chứng nhận đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt tỷ lệ 100%.

Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch, cụ thể như sau:

- Hộ có nhà tiêu an toàn: có 3140/3202 hộ, đạt 98,06% so tổng số hộ toàn xã.

- Hộ đảm bảo “3 sạch”: có 3202 hộ, đạt 100% (**đạt**).

Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường: Hầu hết rác được thu gom và chuyển đến bãi rác tập trung của huyện để xử lý, đồng thời có 100% chất thải rắn trên địa bàn được xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

*\*Kinh phí thực hiện: 8.500 triệu đồng.*

*c) Đánh giá: Đạt.*

## **2.19. Tiêu chí 19 về Quốc phòng và An ninh**

*a) Yêu cầu của tiêu chí:*

Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân (Đạt).

Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả (Đạt).

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Hàng năm Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã có Nghị quyết, kế hoạch lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương; chuyên môn tổ chức quán triệt nghiêm Chỉ thị, kế hoạch của trên về công tác trực sẵn sàng chiến đấu và điều chỉnh bổ sung đầy đủ hệ thống kế hoạch sẵn sàng chiến đấu theo đúng quy định của trên. Luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đảm bảo đúng luật và đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh. Hàng năm quân số tham gia huấn luyện, học tập, hội thi, hội thao và diễn tập đúng nội dung, thời gian, chỉ tiêu trên giao, kết quả kiểm tra đạt yêu cầu và an toàn.

Chuyên môn có kế hoạch và theo dõi chặt chẽ các đối tượng đưa về trên bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh đúng quy định. Thực hiện tốt công tác nắm nguồn tuyển quân và đưa về trên đạt 100% chỉ tiêu trên giao.

Cơ quan quân sự chủ động kết hợp công an hoạt động theo Nghị định số 03; Nghị định số 02 đúng quy định góp phần giữ vững an ninh chính trị-trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Ban chỉ huy quân sự xã biên chế đúng chức danh, Chỉ huy trưởng là thành viên của Ủy ban nhân dân và cấp ủy kiêm cùng cấp. Cấp ủy luôn quan tâm công tác phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên. Hiện nay chi bộ quân sự có cấp ủy, đồng chí Bí thư Đảng ủy là Bí thư chi bộ quân sự. Hàng năm xã đều được công nhận vững mạnh về quốc phòng an ninh.

Đảng ủy xã có xây dựng Nghị quyết, UBND xã xây dựng Kế hoạch về công tác bảo vệ an ninh quốc gia; bảo đảm trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an năm 2023. Công an xã xây dựng các kế hoạch triển khai và thực hiện có hiệu quả về công tác phòng chống tội phạm.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn ổn định, không có tập trung đông người, khiếu nại tố cáo, chống phá Nhà nước, chính quyền, tranh chấp, khiếu nại xảy ra.

Tội phạm về trật tự an toàn xã hội không xảy ra, giảm 06 vụ so với cùng kỳ, giảm 100% so với năm 2022 các loại tệ nạn xã hội, ma túy, mại dâm phát hiện xử lý kịp thời, không để phức tạp, hình thành điểm nóng, địa bàn không có công dân cư trú phạm tội từ nghiêm trọng trở lên.

Chỉ đạo công an xã xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao và các kế hoạch có liên quan, từ đó đảm bảo thực hiện có hiệu quả, trên địa bàn không có tai nạn giao thông, cháy nổ xảy ra. Có

mô hình câu lạc bộ “đảm bảo trật tự an toàn giao thông” liên ấp hoạt động có hiệu quả.

Tập thể công an xã năm 2023 đạt danh hiệu “đơn vị tiên tiến”, không có cán bộ chiến sĩ vi phạm.

Năm 2023 xã Mỹ Chánh đạt chuẩn “an toàn về an ninh trật tự” theo Thông tư 124/2021/TT-BCA tập thể Nhân dân và cán bộ xã được tặng bằng khen Bộ công an, đồng chí Chủ tịch, Trưởng ban chỉ đạo xã được tặng bằng khen UBND tỉnh.

*c) Đánh giá: Đạt*

**5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao:** Không có

**6. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

**a. Quan điểm:**

Giữ vững xã Mỹ Chánh đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và xây dựng thành công xã nông thôn mới kiểu mẫu theo Quyết định số 1417/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh, đưa bộ mặt nông thôn gắn với thành thị. Xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu phải gắn liền với tái cơ cấu nông nghiệp và thích ứng biến đổi khí hậu và nâng cao thu nhập, chất lượng đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho người dân gắn liền với đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội.

**b. Mục tiêu:**

*Mục tiêu tổng quát:*

Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tiến tới xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu. Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp và cơ bản đồng bộ; cơ cấu kinh tế và hình thức sản xuất hợp lý, môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng - an ninh được giữ vững.

Xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu nhằm đảm bảo xây dựng nông thôn mới là quá trình thường xuyên, liên tục, hướng tới mục tiêu phát triển nông thôn mới bền vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên.

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động của người dân, nêu cao vai trò chủ thể của người dân trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa xã.

*Mục tiêu cụ thể:*

**\* Giai đoạn 2023 - 2025:**

- Xã Mỹ Chánh được công nhận là xã Nông thôn mới kiểu mẫu.
- Có 2/8 ấp của xã được công nhận là ấp nông thôn mới kiểu mẫu (ấp Giồng Trôm và ấp Phú Nhiêu).

- Phần đầu thực hiện đạt trên 95% hộ gia đình văn hóa, nông thôn mới.
- Nâng cao bộ mặt nông thôn của xã về kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển theo hướng tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên và hệ thống chính trị của xã ngày càng vững mạnh.
- Thu nhập bình quân hàng năm đạt theo quy định.
- Xã không còn hộ nghèo (trừ hộ nghèo thuộc diện bảo trợ).
- 95% hộ dân trên địa bàn xã có tham gia bảo hiểm y tế.
- 100% hộ dân được sử dụng điện trực tiếp và an toàn, nước sạch, hợp vệ sinh.

**\* Giai đoạn 2025 - 2030:**

- Duy trì xã nông thôn mới kiểu mẫu.
- Có 4/8 ấp của xã được công nhận là ấp nông thôn mới kiểu mẫu.
- Phần đầu thực hiện đạt trên 99% hộ gia đình văn hóa, nông thôn mới.
- Nâng cao bộ mặt nông thôn của xã về kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển theo hướng tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên và hệ thống chính trị của xã ngày càng vững mạnh.
- Thu nhập bình quân hàng năm tăng theo quy định.
- Xã không còn hộ nghèo (trừ hộ nghèo thuộc diện bảo trợ, không có khả năng lao động).
- 100% hộ dân trên địa bàn xã có tham gia bảo hiểm y tế.
- 100% hộ dân được sử dụng điện an toàn, nước sạch, hợp vệ sinh.

**c. Nhiệm vụ và giải pháp:**

**\* Tiêu chí 1 về Quy hoạch:** Tổ chức thực hiện đồ án Quy hoạch chung của xã và đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm xã đúng theo quy định. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia thực hiện đồ án đúng theo quy định quản lý quy hoạch được phê duyệt.

Triển khai thực hiện và quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

**\* Tiêu chí 2 về Giao thông:** Rà soát điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; duy tu, sửa chữa các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã. Nhân rộng mô hình Hệ thống chiếu sáng trên địa bàn xã.

**\* Tiêu chí 3 về Thủy lợi:** Kiện toàn, củng cố bộ máy về phòng, chống thiên tai cấp xã; kiểm kê, quản lý trang thiết bị về phòng, chống thiên tai tại xã; đặc biệt là công tác chủ động ứng phó nhanh, kịp thời theo đúng Phương án đề ra. Tuyên truyền, vận động nhân dân thành lập Tổ quản lý thủy lợi để tưới và tiêu nước phục vụ sản xuất cho người dân theo đúng hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn. Nạo vét các tuyến kênh thủy lợi nội đồng đảm bảo lưu thông, phục vụ hiệu quả việc sản xuất nông nghiệp.

\* **Tiêu chí 4 về Điện:** Rà soát quy hoạch, tổ chức họp dân về nhu cầu mở rộng hệ thống lưới điện kết hợp quy hoạch khu dân cư của xã; tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân sử dụng điện trực tiếp, an toàn. Có kế hoạch tuyên truyền vận động 12 hộ được sử dụng điện năng lượng mặt trời đảm bảo đạt 100% hộ dân sử dụng điện an toàn.

\* **Tiêu chí 5 về Giáo dục:** Nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

\* **Tiêu chí 6 về Văn hóa:** Tăng cường các hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể dục thể thao tại địa phương; duy trì hoạt động thể dục thể thao của người dân thường xuyên và liên tục, thu hút người dân tham gia. Giữ vững danh hiệu áp đạt chuẩn “Áp văn hóa” hàng năm theo quy định. Thực hiện hoàn thành các nội dung theo Hướng dẫn số 01 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

\* **Tiêu chí 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:** Nâng cấp, sửa chữa nhà lồng chợ Mỹ Chánh và các công trình phụ trợ; củng cố các hoạt động tại chợ Thanh Nguyên B. Nâng cao chất lượng hoạt động của chợ đảm bảo quy định chợ an toàn thực phẩm.

\* **Tiêu chí 8 về Thông tin và truyền thông:** Phối hợp Bưu điện huyện triển khai Điểm bưu chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến đáp ứng nhu cầu của người dân tại địa phương và dịch vụ báo chí truyền thông. Tiếp tục tuyên truyền vận động và giải quyết hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến tối thiểu 50% tổng hồ sơ giải quyết của xã.

Phủ sóng wifi tại 8/8 nhà văn hóa áp để người dân truy cập, sử dụng.

\* **Tiêu chí 9 về Nhà ở dân cư:**

Tuyên truyền, vận động người dân đầu tư nâng cấp, sửa chữa nhà ở đảm bảo luôn đạt chuẩn. Thường xuyên rà soát, đánh giá hiện trạng nhà ở của người dân, các đối tượng gia đình chính sách, các hộ có hoàn cảnh khó khăn,.... để có giải pháp nâng cấp, sửa chữa theo kế hoạch. Tăng cường phát triển kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, phấn đấu 100% hộ gia đình có nhà ở đạt chuẩn theo quy định.

\* **Tiêu chí 10 về Thu nhập:**

Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư, giới thiệu việc làm, chuyên giao khoa học kỹ thuật, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất góp phần nâng cao thu nhập cho người dân tại địa phương và giảm nghèo bền vững.

\* **Tiêu chí 11 về Nghèo đa chiều:**

Triển khai kịp thời, đầy đủ các chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, nắm chắc tâm tư, nguyện vọng, điều kiện, nguyên nhân nghèo để đưa ra giải pháp thoát nghèo bền vững, không để tái nghèo hoặc

phát sinh. Phần đầu giảm, không còn hộ nghèo, hộ cận nghèo sau khi trừ các đối tượng không có khả năng lao động.

**\* Tiêu chí 12 về Lao động:**

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về dịch vụ công trực tuyến và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức để nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân, đặc biệt là ứng dụng công nghệ vào giải quyết công việc hành chính tại địa phương. Rà soát, sửa chữa, bố trí các thiết bị công nghệ thông tin đảm bảo đáp ứng được yêu cầu công việc.

**\* Tiêu chí 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn:**

Phát huy hiệu quả hoạt động của Hợp tác xã Nông nghiệp Phú Mỹ Châu theo hướng tập thể; triển khai ứng dụng chuyển đổi số để truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm OCOP gạo hữu cơ ST25 “Hạt ngọc Quê hương” của Hợp tác xã.

Xây dựng mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).

**\* Tiêu chí 14 về Y tế:**

Nâng cao chất lượng khám và chữa bệnh ban đầu cho người dân tại địa phương; triển khai các công nghệ trong công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe cho người dân. Tuyên truyền vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 98% trở lên.

**\* Tiêu chí 15 về Hành chính công:**

Triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện Đề án đổi mới hoạt động của Bộ phận một cửa theo Kế hoạch của Ủy ban nhân tỉnh Trà Vinh.

Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

**\* Tiêu chí 16 về Tiếp cận pháp luật:**

Xây dựng mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở ở cấp xã và tại các ấp; duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động hiệu quả. Đầu tư thêm 10 cụm loa không dây để đáp ứng nhu cầu của người dân.

**\* Tiêu chí 17 về Môi trường:**

Tăng cường thực hiện công tác cải thiện cảnh quan, môi trường tại các điểm công cộng, khu dân cư; tuyên truyền, nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường tại các cơ sở.

Bố trí thêm thùng chứa rác thải để thu gom tập trung trên tuyến đường Quốc lộ 54, Tỉnh lộ 912 và các tuyến đường trục ấp đảm bảo phân loại rác thải sinh hoạt theo đúng quy định.

**\* Tiêu chí 18 về Chất lượng môi trường sống:**

Tiếp tục mở rộng hệ thống cung cấp nước sạch sinh hoạt tại các tuyến đường có khu dân cư; phối hợp với Công ty cấp thoát nước Trà Vinh nâng cao hiệu quả

hoạt động của các Trạm nước trên địa bàn xã. Thực hiện tốt Hương ước, Quy ước cộng đồng.

Kiến nghị Công ty cấp thoát nước tỉnh sớm đầu tư xây dựng các tuyến nước sạch để người dân được sử dụng như: Đường giao thông nông thôn Thanh Nguyên 18, 17, 16, 15, 14, 13, 12, 10, 9, 8,....

**\* Tiêu chí 19 về Quốc phòng, an ninh:**

Triển khai thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương hàng năm; tăng cường công tác tuần tra, đảm bảo an ninh trật tự. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các mô hình trên địa bàn xã.

Tiếp tục lắp đặt camera an ninh tại các tuyến đường giao thông nông thôn của xã để tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội.

## **II. KẾT LUẬN**

### **1. Về hồ sơ:**

Xã Mỹ Chánh có đủ hồ sơ để công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023 theo hướng dẫn của Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

### **2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao:**

Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Mỹ Chánh đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính tới thời điểm thẩm tra là 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

### **3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao: Không có**

## **III. KIẾN NGHỊ**

Đề nghị Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh sớm xem xét, thẩm định công nhận xã Mỹ Chánh đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023./.

**Nơi nhận:**

- VPĐP Tỉnh;
- TT.HU; TT.HĐND huyện;
- BCĐ các CTMTQG và PTTĐDK XDĐSVH huyện;
- LĐVP, NCNN;
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Thạch Thị Sa Thy**



**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN  
CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM 2023**

**đối với xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh**

*(Kèm theo Báo cáo số 29/BC-UBND ngày 29/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.	Đạt	Đạt	Đạt
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.	Đạt	Đạt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.	100 %	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp: - Được cứng hóa và bảo trì hàng năm. - Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.	100 %  ≥80 %	Đạt	Đạt
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.	≥90 %	Đạt	Đạt
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.	≥ 70%	Đạt	Đạt
3	Thủy lợi và phòng, chống	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.	≥90 %	Đạt	Đạt
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững.	Đạt	Đạt	Đạt

	thiên tai	3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.	≥50 % diện tích cây trồng chủ lực của xã được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	Đạt	Đạt
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.	Đạt	Đạt	Đạt
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.	Đạt	Đạt	Đạt
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.	Khá trở lên	Đạt	Đạt
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định.	≥99 %	Đạt	Đạt
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.	100 %	Đạt	Đạt
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.	Đạt	Đạt	Đạt
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS.	Mức độ 3	Đạt	Đạt
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ.	Mức độ 2	Đạt	Đạt
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại.	Khá	Đạt	Đạt
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức	Đạt	Đạt	Đạt

		bền.			
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.	Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới.	$\geq 90$ %	Đạt	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.	Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh: - Vùng đồng bào dân tộc thiểu số. - Các xã còn lại	50% 80%	Đạt	Đạt
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông.	Đạt	Đạt	Đạt
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.	Đạt	Đạt	Đạt
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố.	90%	Đạt	Đạt
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người ( <i>triệu đồng/người</i> ).	Năm 2022 $\geq 64$	Đạt	Đạt
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025.	$\geq 2,5$ %	Đạt	Đạt
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).	$\geq 75$ %	Đạt	Đạt
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng	$\geq 30$	Đạt	Đạt

		cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).	%		
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn.	$\geq 35$ %	Đạt	Đạt
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.	$\geq 1$	Đạt	Đạt
		13.2. Có ít nhất 01 sản phẩm được công nhận đạt chuẩn OCOP từ 3 sao trở lên và còn thời hạn.	$\geq 1$	Đạt	Đạt
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	$\geq 1$	Đạt	Đạt
		13.4. Có ít nhất 01 sản phẩm chủ lực ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc	$\geq 1$	Đạt	Đạt
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử.	$\geq 10$ %	Đạt	Đạt
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Đạt	Đạt	Đạt
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội (nếu có)	Đạt	Đạt	Đạt
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	$\geq 1$	Đạt	Đạt
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95$ %	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90$ %	Đạt	Đạt
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 40$ %	Đạt	Đạt
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 70$ %	Đạt	Đạt
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	Đạt	Đạt
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Đạt	Đạt

16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	$\geq 1$	Đạt	Đạt
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	$\geq 90$ %	Đạt	Đạt
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	$\geq 90$ %	Đạt	Đạt
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.	Đạt	Đạt	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100 %	Đạt	Đạt
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 95$ %	Đạt	Đạt
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	$\geq 35$ %	Đạt	Đạt
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 50$ %	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100 %	Đạt	Đạt
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	$\geq 80$ %	Đạt	Đạt
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 85$ %	Đạt	Đạt
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	$\geq 10$ %	Đạt	Đạt
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	4 m <sup>2</sup> / ngườ i	Đạt	Đạt

		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 70$ %	Đạt	Đạt
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung:	$\geq 55$ %	Đạt	Đạt
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm.	$\geq 60$ lít	Đạt	Đạt
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 40$ %	Đạt	Đạt
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100 %	Đạt	Đạt
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không g	Đạt	Đạt
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100 %	Đạt	Đạt
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	$\geq 80$ %	Đạt	Đạt
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100 %	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt